

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025  
của thành phố Đồng Hới (nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nguồn ngân sách thành phố Đồng Hới quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện các dự án đầu tư công (nguồn ngân sách cấp huyện và cấp xã quản lý);

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Đồng Hới (nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý) với nội dung sau:

**1. Nguồn vốn phân bổ:**

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách thành phố là: 539.964 triệu đồng.

Trong đó:

a. Nguồn vốn đầu tư ngân sách thành phố: 406.714 triệu đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn Ngân sách tập trung: 20.457 triệu đồng;
- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất thành phố : 386.257 triệu đồng
- b. Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất xã phường : 133.250 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 01 kèm theo)*

## **2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:**

- Phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Quyết định giao dự toán năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình.

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

- Việc phân bổ vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên sau:

- + Bố trí vốn các dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch
- + Bố trí kinh phí vốn quy hoạch.

## **3. Phương án phân bổ:**

Trên cơ sở thông báo vốn được giao, UBND thành phố dự kiến phương án phân bổ chi tiết nguồn ngân sách thành phố phân bổ với số tiền: **406.714** triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách - xã hội: 3.500 triệu đồng
- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành: 341.606 triệu đồng.
- Bố trí vốn kinh phí quy hoạch cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, Kinh phí xác định kinh phí hạ tầng các dự án, Kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố năm 2025: 5.000 triệu đồng.
- Bố trí vốn cho các công trình Quy hoạch các Cụm công nghiệp, Quy hoạch Nghĩa trang, cấm mốc quy hoạch chi tiết các xã phường: 5.000 triệu đồng.
- Bố trí kinh phí Dự toán đầu tư hạ tầng: 51.607 triệu đồng.

*(Chi tiết tại các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo).*

## II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND thành phố đã chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố, các chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến các phòng ban, đơn vị có liên quan.

## III. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:


Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Đồng Hới (nguồn Ngân sách thành phố quản lý).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

*(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

UBND thành phố Đồng Hới kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới xem xét quyết định. 

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Lưu: VP HDND – UBND TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Ngọc Đan**



**PHỤ LỤC SỐ 01  
PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số 534/TTr-UBND ngày 11/12/2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Nguồn vốn đầu tư công	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Nguồn NSTP	Nguồn NS xã phường hưởng theo số hưởng điều tiết		
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu tiền sử dụng đất của Thành phố được Tỉnh giao KH theo năm 2025	1.396.800				
B	Nguồn vốn KH đầu tư công TP xây dựng năm 2025	539.964	406.714	133.250		
B.1	Tổng nguồn vốn NS thành phố phân bổ KH năm 2025	406.714	406.714			
	Gồm: - Nguồn vốn Ngân sách tập trung	20.457	20.457		Nguồn tập trung	
	- Nguồn vốn quỹ đất được hưởng theo tỷ lệ điều tiết	386.257	386.257			
	+ Nguồn vốn được hưởng theo tỷ lệ điều tiết	386.257	386.257		Nguồn quỹ đất	
B.2	Nguồn vốn giao xã phường bố trí	133.250		133.250		
C	Phân bổ cho các lĩnh vực	539.964	406.714	133.250		
1	Vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách - xã hội	3.500	3.500		Nguồn tập trung	

*Chu*

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Nguồn vốn đầu tư công	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:			
			Nguồn NSTP	Nguồn NS xã phường hưởng theo số hưởng điều tiết		
1	2	3	4	5	6	7
2	Vốn quy hoạch cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, Kinh phí xác định kinh phí hạ tầng các dự án, Kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất; Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố năm 2025 .....	5.000	5.000		Nguồn quỹ đất	
3	Bố trí công trình hoàn thành	341.607	341.607		Nguồn tập trung; Nguồn quỹ đất	
4	Kinh phí Dự toán đầu tư hạ tầng	51.607	51.607			
5	Bố trí dự án (Quy hoạch các Cụm công nghiệp, QH nghĩa Trang, cắm mốc quy hoạch chi tiết các xã phường).	5.000	5.000			
6	Nguồn vốn giao xã phường bố trí	133.250		133.250		

*Uon*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

**PHỤ LỤC 02**  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**  
**VÀ DỰ TOÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT dự kiến	Tổng số thu tiền sử dụng đất ước tính	Dự toán đầu tư hạ tầng	Dự kiến số nộp ngân sách sau khi trừ chi phí hạ tầng	Tỷ lệ % và nguồn vốn NSTP hưởng		Tỷ lệ % và nguồn vốn xã phường hưởng		Ghi chú
							Tỷ lệ %	NĂM 2025	Tỷ lệ %	NĂM 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>ĐẤT TẠI ĐỊA BÀN XÃ</b>			<b>766.800</b>	<b>281.800</b>	<b>485.000</b>		<b>190.257</b>		<b>71.250</b>	
1	Xã Quang Phú			70.000	-	70.000	30%	21.000	30%	21.000	
1.1	Dự án Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	Sở xây dựng QB	2021-2025	70.000	-	70.000	30%	21.000	30%	21.000	
2	Xã Bảo Ninh			563.800	266.800	297.000		118.857		14.850	
2.1	Dự án Khu đô thị Sa động Bảo Ninh (phần bổ sung, mở rộng về phía Bắc)	Trung tâm PT Quỹ đất Tỉnh	2020-2025	20.000	2.800	17.200	25%	4.300	5%	860	
2.2	HTKT khu dân cư thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh (phía Nam TTVH xã)	UBND thành phố	2022-2024	60.000	20.000	40.000	25%	10.000	5%	2.000	
2.3	Dự án khu đô thị Bảo Ninh 6	XHH	2020-2025	277.000	120.000	157.000	25%	39.250	5%	7.850	
2.5	Nhà ở thương mại phía tây đường Võ Nguyên Giáp	Sở TNMT QB	2024-2026	201.800	124.000	77.800	25%	19.450	5%	3.890	
2.6	Các lô đất lẻ trong khu dân cư	UBND xã Bảo Ninh	2023-2025	5.000	-	5.000	25%	1.250	5%	250	

*Chu*

TT	Tên các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT dự kiến	Tổng số thu tiền sử dụng đất ước tính	Dự toán đầu tư hạ tầng	Dự kiến số nộp ngân sách sau khi trừ chi phí hạ tầng	Tỷ lệ % và nguồn vốn NSTP hưởng		Tỷ lệ % và nguồn vốn xã phường hưởng		Ghi chú
							Tỷ lệ %	NĂM 2025	Tỷ lệ %	NĂM 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.7	Đầu tư hạ tầng			-	-	-		44.607			-
3	<b>Xã Thuận Đức</b>			<b>5.000</b>	-	<b>5.000</b>		<b>1.500</b>		<b>1.500</b>	
3.1	Các lô đất lẻ tại thôn Thuận Vinh	UBND xã Thuận Đức	2023-2025	5.000	-	5.000	30%	1.500	30%	1.500	
4	<b>Xã Lộc Ninh</b>			<b>35.000</b>	<b>5.000</b>	<b>30.000</b>		<b>14.000</b>		<b>9.000</b>	
4.1	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2020-2024	35.000	5.000	30.000	30%	9.000	30%	9.000	
4.5	Đầu tư hạ tầng			-	-	-		5.000		-	
5	<b>Xã Nghĩa Ninh</b>			<b>10.000</b>	-	<b>10.000</b>		<b>3.000</b>		<b>3.000</b>	
5.1	Các lô đất lẻ tại Thôn Rẫy Cau	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2024	6.000	-	6.000	30%	1.800	30%	1.800	
5.2	Các lô đất lẻ tại Thôn Trung Nghĩa 6	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2024	4.000	-	4.000	30%	1.200	30%	1.200	
6	<b>Xã Đức Ninh</b>			<b>83.000</b>	<b>10.000</b>	<b>73.000</b>		<b>31.900</b>		<b>21.900</b>	
6.1	Dự án HTKT khu đất ở khu vực thôn Đức Phong, xã Đức Ninh	UBND thành phố	2020-2024	25.000	10.000	15.000	30%	4.500	30%	4.500	
6.2	HTKT khu đất ở khu vực Đồng Bình Bồn, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố	2022-2024	48.000		48.000	30%	14.400	30%	14.400	
6.3	Khu dân cư Đức Sơn, phía Tây Bắc đường Lê Lợi, xã Đức Ninh	Trung tâm PT Quỹ đất Tỉnh	2020-2025	10.000		10.000	30%	3.000	30%	3.000	
6.4	Đầu tư hạ tầng							10.000			

*Lhu*

TT	Tên các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT dự kiến	Tổng số thu tiền sử dụng đất ước tính	Dự toán đầu tư hạ tầng	Dự kiến số nợ ngân sách sau khi trừ chi phí hạ tầng	Tỷ lệ % và nguồn vốn NSTP hưởng		Tỷ lệ % và nguồn vốn xã phường hưởng		Ghi chú
							Tỷ lệ %	NĂM 2025	Tỷ lệ %	NĂM 2025	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	<b>ĐẤT TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG</b>			<b>630.000</b>	<b>10.000</b>	<b>620.000</b>		<b>196.000</b>	<b>220%</b>	<b>62.000</b>	
1	<b>Phường Bắc Lý</b>			<b>96.000</b>	<b>10.000</b>	<b>86.000</b>		<b>35.800</b>	<b>60%</b>	<b>8.600</b>	
1.1	HTKT KDC Tây Hữu Nghị giai đoạn 2	Sở Xây dựng QB	2019 - 2025	63.000	10.000	53.000	30%	15.900	10%	5.300	
1.2	HTKT KDC Tổ dân phố 9, phường Bắc Lý	UBND thành phố	2017-2024	3.000		3.000	30%	900	10%	300	
1.3	HTKT khu đất ở TDP 4, Phường Bắc lý	UBND thành phố	2018-2022	5.000		5.000	30%	1.500	10%	500	
1.4	HTKT khu đất ở TDP 7, Phường Bắc lý	UBND thành phố	2023-2025	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
1.5	KDC phía nam đường F325 Tổ dân phố 9 phường Bắc Lý ( Đất thu hồi của Công ty CP xuất nhập khẩu QB)	Trung tâm PT Quỹ đất Tỉnh	2020-2024	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
1.6	HTKT khu đất ở TDP 10 phường Bắc Lý	UBND thành phố	2018-2022	5.000		5.000	30%	1.500	10%	500	
1.11	Đầu tư hạ tầng			-		-		10.000		-	
2	<b>Phường Đồng Phú</b>			<b>115.000</b>	<b>-</b>	<b>115.000</b>		<b>34.500</b>		<b>11.500</b>	
2.1	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phóng Thủy	Các dự án Xã hội hóa Sở xây dựng làm bên mời thầu	2020-2025	100.000	-	100.000	30%	30.000	10%	10.000	
2.2	Các lô đất lẻ	UBND phường Đồng Phú	2023-2025	15.000	-	15.000	30%	4.500	10%	1.500	
3	<b>Phường Nam Lý</b>			<b>30.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000</b>		<b>9.000</b>		<b>3.000</b>	

*Chữ ký*

TT	Tên các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT dự kiến	Tổng số thu tiền sử dụng đất ước tính	Dự toán đầu tư hạ tầng	Dự kiến số nộp ngân sách sau khi trừ chi phí hạ tầng	Tỷ lệ % và nguồn vốn NSTP hưởng		Tỷ lệ % và nguồn vốn xã phường hưởng		Ghi chú
							Tỷ lệ %	NĂM 2025	Tỷ lệ %	NĂM 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.1	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Đông Nam đường Tạ Quang Bửu phường Nam Lý thành phố Đồng Hới	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2021-2025	20.000		20.000	30%	6.000	10%	2.000	
3.2	Tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2020-2023	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
<b>4</b>	<b>Phường Bắc Nghĩa</b>			<b>50.000</b>	-	<b>50.000</b>		<b>15.000</b>		<b>5.000</b>	
4.2	Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Tây Bắc đường Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2020-2025	40.000		40.000	30%	12.000	10%	4.000	
4.3	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa (phần điều chỉnh, bổ sung)	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2020-2025	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
<b>5</b>	<b>Phường Đồng Sơn</b>			<b>4.000</b>	-	<b>4.000</b>		<b>1.200</b>		<b>400</b>	
5.1	Đất lẻ ở TDP 9	UBND phường Đồng Sơn	2020-2025	2.000		2.000	30%	600	10%	200	
5.2	Đất lẻ ở TDP 11	UBND phường Đồng Sơn	2020-2025	2.000		2.000	30%	600	10%	200	
<b>6</b>	<b>Phường Đức Ninh Đông</b>			<b>80.000</b>	-	<b>80.000</b>		<b>24.000</b>		<b>8.000</b>	
6.1	DA HTKT khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông	TT PTQĐ Sở TN&MT QB	2019-2025	30.000		30.000	30%	9.000	10%	3.000	
6.2	Dự án Khu nhà ở thương mại tại trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông	Các dự án Xã hội hóa Sở xây dựng làm bên mời thầu	2019-2025	40.000		40.000	30%	12.000	10%	4.000	
6.3	Dự án HTKT khu dân cư tại trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2025	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	

*Chữ ký*

TT	Tên các dự án hạ tầng phát triển quỹ đất	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT dự kiến	Tổng số thu tiền sử dụng đất ước tính	Dự toán đầu tư hạ tầng	Dự kiến số nợ ngân sách sau khi trừ chi phí hạ tầng	Tỷ lệ % và nguồn vốn NSTP hưởng		Tỷ lệ % và nguồn vốn xã phường hưởng		Ghi chú
							Tỷ lệ %	NĂM 2025	Tỷ lệ %	NĂM 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	<b>Phường Phú Hải</b>			205.000	-	205.000		61.500		20.500	
7.1	Dự án khu đô thị Nam Cầu Dài	Các dự án Xã hội hóa Sở xây dựng làm bên mời thầu	2019-2025	205.000		205.000	30%	61.500	10%	20.500	
8	<b>Phường Đồng Hải</b>			20.000	-	20.000		6.000		2.000	
8.1	Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp kinh doanh tại phường Đồng Hải	Các dự án Xã hội hóa Sở xây dựng làm bên mời thầu	2020-2025	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
8.2	Dự án tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà kết hợp kinh doanh - Dự án Movenpic Centre	Các dự án Xã hội hóa Sở xây dựng làm bên mời thầu	2020-2023	10.000		10.000	30%	3.000	10%	1.000	
9	<b>Phường Hải Thành</b>			30.000	-	30.000		9.000		3.000	
9.1	Quy hoạch đất ở tại TDP 4	UBND phường Hải Thành	2020-2023	15.000		15.000	30%	4.500	10%	1.500	
9.2	Nhà văn hóa TDP 4	UBND phường Hải Thành	2020-2023	15.000		15.000	30%	4.500	10%	1.500	
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>			<b>1.396.800</b>	<b>291.800</b>	<b>1.105.000</b>		<b>386.257</b>		<b>133.250</b>	

*Uhu*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

PHỤ LỤC 03

BỘ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025 - CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG HOÀN THÀNH

(Kèm theo Tờ trình số 554-TTr-UBND ngày 11/12/2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024			Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, phường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>TỔNG CỘNG (I+II):</b>						1.112.587	24.000	1.054.307	34.280	-	1.067.508	1.067.508	343.513	20.000	322.713	800	375.087	341.607	
<b>I NGUỒN VỐN TẬP TRUNG:</b>						95.800	24.000	67.200	4.600	-	91.800	91.800	66.320	20.000	45.520	800	-	16.957	
1	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến QL1 thành phố Đồng Hới	thành phố Đồng Hới	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	40.000	24.000	16.000	-	QĐ số 1972/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 (tính)	36.000	36.000	31.750	20.000	11.750		-	4.250	UBND thành phố
2	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường KDC phía nam thư viện tỉnh	phường Nam Lý	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000	-	12.000	-	QĐ 2407/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	12.000	12.000	10.720		10.720		-	1.280	UBND thành phố
3	Đầu tư xây dựng Đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000	-	9.000	-	QĐ số 5188/QĐ-UB ngày 01/11/2022	9.000	9.000	6.000		6.000		-	3.000	UBND thành phố
4	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo dây nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, dây nhà 2 tầng 6 phòng và nhà bếp Trường TH số 1 Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.200		3.200		QĐ số 2198/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	3.200	3.200	1.264		1.264		-	1.936	UBND thành phố
5	Nâng cấp sân, hệ thống thoát nước Trường tiểu học số 2 Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		2.000		QĐ số 2174/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	2.000	2.000	726		726		-	1.274	UBND thành phố
6	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	xã Quang Phú	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.500		5.100	3.400	QĐ số 910/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	8.500	8.500	4.100		3.300	800		1.800	UBND xã Quang Phú
7	Đường giao thông nội đồng HTX Phú Xá xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		1.800	1.200	QĐ số 3829/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	3.000	3.000	1.300		1.300		-	500	UBND xã Lộc Ninh
8	PPK03	xã Quang Phú	2022-2025		NQ số 14/NQ-HĐND ngày 02/08/2022	3.200		3.200		QĐ 102/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	3.200	3.200	2.400		2.400		-	800	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố
9	Nhà lớp học 2 tầng 4, khối hành chính quản trị, sân, hàng rào Trường mầm non Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2025		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.900		14.900		QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	14.900	14.900	8.060		8.060		-	2.117	UBND thành phố
<b>II NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT:</b>						1.016.787	-	987.107	29.680	-	975.708	975.708	277.194	-	277.194	-	375.087	324.650	

*Luc*

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024			Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, phường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Nhà lớp học 2 tầng 4, khối hành chính quản trị, sân, hàng rào Trường mầm non Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2025		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.900		14.900		QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	14.900	14.900						4.723	UBND thành phố
2	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ	phường Nam Lý	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 4867/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	35.000	35.000	13.895		13.895	-	-	21.105	UBND thành phố
3	Nâng cấp đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	40.000		40.000		QĐ số 6327/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	40.000	40.000	14.303		14.303	-	-	25.697	UBND thành phố
4	Nâng cấp, sửa chữa đường và vỉa hè đường Hoàng Sâm, Nguyễn Hữu Dật, Trần Quang Diệu, Tôn Thất Tùng	phường Bắc Lý, Nam Lý	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	29.000		29.000		QĐ số 4640/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	29.000	29.000	10.540		10.540	-	-	18.460	UBND thành phố
5	Trang trí đèn LED khu vực dọc Hồ Thành, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Phú, Đồng Hải	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	27.000		27.000		QĐ số 6144/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	27.000	27.000	15.242		15.242	-	-	11.758	UBND thành phố
6	Nâng cấp cải tạo công viên trung tâm phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 3350/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	20.000	20.000	6.650		6.650	-	-	13.350	UBND thành phố
7	Cải tạo, nâng cấp Chợ cá Đồng Hới	phường Đồng Hải	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	25.000		25.000		QĐ số 5080/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	25.000	25.000	13.451		13.451	-	-	11.549	UBND thành phố
8	Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyên Hãn và Đại Phong phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 5620/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	10.970		10.970	-	-	9.030	UBND thành phố
9	Điện chiếu sáng bằng đèn Led cụm TTCN Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000		12.000		QĐ số 2567/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	12.000	12.000	6.890		6.890	-	-	5.110	UBND thành phố
10	Mương thoát chống ngập úng đồng Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ 2002/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	14.900	14.900	9.163		9.163	-	-	5.737	UBND thành phố
11	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mễ Sỏi qua cầu Rẫy Cau	phường Đồng Sơn, Nghĩa Ninh	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ 3028/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	14.900	14.900	8.026		8.026	-	-	6.874	UBND thành phố
12	Hệ thống thoát nước thôn Thuận Hà xã Thuận Đức và TDP 11 phường Đồng Sơn thành phố Đồng Hới	xã Thuận Đức, phường Đồng Sơn	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.000		14.000		QĐ 2548/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	14.000	14.000	8.612		8.612	-	-	5.388	UBND thành phố
13	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000		12.000		QĐ 3274/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	12.000	12.000	7.867		7.867	-	-	4.134	UBND thành phố
14	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Mỹ, TDP Phú Mỹ, TDP Thành Mỹ phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	24.000		24.000		QĐ số 2688/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	24.000	24.000	8.827		8.827	-	-	15.173	UBND thành phố

LTC 9/15

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
15	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Tâm, TDP Đồng Đình phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.500		14.500		QĐ số 6574/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	14.500	14.500	7.584		7.584	-	-	6.916	UBND thành phố
16	Nâng cấp đường Trần Nhật Duật xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	25.000		25.000		QĐ số 2574/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	25.000	25.000	9.960		9.960	-	-	15.040	UBND thành phố
17	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	170.000		170.000		QĐ số 3796/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	170.000	170.000	30.618		30.618	-	118.559	20.823	UBND thành phố
18	Điện chiếu sáng bằng đèn Led các trục đường khu dân cư Tây Hữu Nghị, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	7.800		7.800		QĐ số 3206/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	7.800	7.800	258		258	-	6.422	1.120	UBND thành phố
19	Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT và dịch vụ đô thị thông minh thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	202 -2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	39.670		39.670		QĐ số 4264/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	39.670	39.670	16.259		16.259	-	15.710	7.701	Văn phòng HĐND - UBND thành phố
20	Cụm công nghiệp Lộc Ninh (giai đoạn 2)	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 5160/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	35.000	35.000	1.584		1.584	-	30.308	3.108	UBND thành phố
21	Trang trí điện dọc sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Hải	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	25.000		25.000		QĐ số 5372/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	25.000	25.000	1.850		1.850	-	16.925	6.225	UBND thành phố
22	Công viên hồ Sen ( phía sau trường chuyên Võ Nguyên Giáp)	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 5877/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	35.000	35.000	832		832	-	34.068	100	UBND thành phố
23	Đầu tư xây dựng đường vào nhà máy xử lý nước thải thành phố Đồng Hới	xã Đức Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 2561/QĐ-UBND ngày 10/6/2023	14.800	14.800	600		600	-	19.300	100	UBND thành phố
22	Nâng cấp các trục đường Đặng Văn Ngữ, đường Nguyễn Cư Trinh, đường Võ Duy Dương và đường Phong Nha, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	11.000		11.000		QĐ số 4092/QĐ-UBND ngày 15/09/2023	11.000	11.000	406		406	-	7.792	2.802	UBND thành phố
23	Đầu tư xây dựng Đường nối từ đường Bàu Tró đến đường Long Đại	phường Hải Thành	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 08/09/2023	14.900	14.900	519		519	-	8.025	6.356	UBND thành phố
24	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Siêu, Tô Hiến Thành, Trần Thủ Độ, Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	30.000		30.000		QĐ số 5878/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	30.000	30.000	434		434	-	29.466	100	UBND thành phố

*Lhu*

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTDĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024			Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, phường
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20					
25	Xây dựng khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và trẻ em, nhà hiệu bộ, bếp, sân và hệ thống thoát nước Trường mầm non Bắc Nghĩa (Cụm trung tâm)	phường Bắc Nghĩa	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	13.000		13.000		QĐ số 3261/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	13.000	13.000	1.958		1.958	-	6.174	4.868	UBND thành phố
26	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn từ cầu Nhật Lệ 1 đến cầu Nhật Lệ 2)	xã Bảo Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 3655/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	8.000	8.000	280		280	-	6.808	912	UBND thành phố
27	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng bộ môn và nhà vệ sinh Trường TH số 1 Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	6.000		6.000		QĐ số 4704/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	6.000	6.000	907		907	-	-	5.093	UBND thành phố
28	Nâng cấp tuyến đường Lê Trọng Tấn phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.000		4.000		QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	4.000	4.000	550		550	-	-	3.450	UBND thành phố
29	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	phường Đồng Phú, Hải Thành	2020-2024	2020-2025	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	15.000		15.000		QĐ 1237/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	15.000	15.000	13.500		13.500	-	-	1.500	UBND thành phố
30	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn Trường TH số 2 Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.500		4.500		QĐ số 3901/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	4.500	4.500	334		334	-	-	4.166	UBND thành phố
31	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nam Cao, Lê Chân Trần Nguyên Đán, Khúc Hạo, Ý Lan, Trương Phúc Phần	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	5.000		5.000		QĐ số 2673/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	4.946	4.946	197		197	-	4.293	510	UBND thành phố
32	Hệ thống lan can, nạo vét hồ trạm và chỉnh trang xung quanh Hồ Trạm phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ số 5135/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	14.900	14.900	254		254	-	14.546	100	UBND thành phố
33	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực Bàu Đình xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 5100/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	7.436	7.436	280		280	-	6.808	912	UBND thành phố
34	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn led đường Trương Pháp ( đoạn từ chợ Quang Phú đến nhà khách phụ nữ)	xã Quang Phú	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.500		1.500		QĐ số 3086/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	691	691	40		40	-	809	651	UBND thành phố
35	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Đoàn Thị Điểm, Lê Duẩn, phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2023-2024		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	900		900		QĐ số 2635/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	900	900	50		50	-	-	850	UBND thành phố
36	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Hữu Dật và đường Vũ Trọng Phụng, Trần Quang Diệu	phường Bắc Lý, Nam Lý	2023-2024		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.150		1.150		QĐ số 2910/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	1.150	1.150	67		67	-	-	1.083	UBND thành phố

*Chu*

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024			Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, phường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
37	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trần Cao Vân, Đặng Thai Mai, Lương Văn Can, Ngô Thi Nhậm	phường Đồng Sơn	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 2770/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	2.470	2.470	117		117	-	1.948	435	UBND thành phố
38	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Phong Nha và đường Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Cư Trinh, Võ Duy Dương phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 2682/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	2.500	2.500	129		129	-	1.936	435	UBND thành phố
39	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trung Thuận, Hưng Ninh, Phạm Văn Hai, Đào Duy Anh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		3.000		QĐ số 2911/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	3.000	3.000	135		135	-	2.263	602	UBND thành phố
40	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Văn Lầu, Lê Văn Sỹ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.700		1.700		QĐ số 1806/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.700	1.700	103		103	-	1.028	569	UBND thành phố
41	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thiện Thuật, Bê Văn Đán, Phạm Xuân Ẩn, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.300		1.300		QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.300	1.300	77		77	-	786	437	UBND thành phố
42	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Công Trứ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.700		1.700		QĐ số 3051/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	1.700	1.700	97		97	-	1.028	575	UBND thành phố
43	Cây xanh và điện chiếu sáng đường nội đường Trần Quang Khải đến đường Phong Nha	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 5175/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.158	1.158	69		69	-	1.843	588	UBND thành phố
<b>CÁC ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ</b>											-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2023, nâng cấp cải tạo các khuôn viên trên địa bàn thành phố	thành phố Đồng Hới	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.500		9.500	-	QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	1.254		1.254	-	2.794	5.452	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
45	Trồng cây xanh dây phân cách đường Trương Pháp, đường 36m (từ đường Lê Lợi đến sông Lệ Kỳ), đường Mỹ Cảnh và công viên Đường Phùng Hưng	thành phố Đồng Hới	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.500		9.500	-	QĐ số 1246/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	1.240		1.240	-	3.661	4.599	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
46	Nâng cấp cải tạo công viên phía tây đường Nguyễn Hữu Thọ, công viên Bắc Trần Quang Khải, công viên Sa Động	thành phố Đồng Hới	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 1584/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	8.000	8.000	1.383		1.383	-	1.877	4.740	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
47	Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Đăng Tuấn phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.500		4.500		QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.500	4.500	1.256		1.256	-	-	3.244	Phòng QLDT thành phố

*Chữ ký*

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
48	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Quốc Trinh xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.900		3.900		QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	3.900	3.900	946		946			2.954	Phòng QLĐT thành phố
49	Đường giao thông nối đồng đội Đồng Mầu, Hối Đầu, Cây Đa xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500	-	2.500	-	QĐ số 717/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	2.500	2.500	1.110		1.110	-	-	1.390	Phòng kinh tế thành phố
50	Cải tạo mở rộng trụ sở công an phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.000	1.000	QĐ số 3085/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	1.000	1.000	625		625		-	375	UBND phường Nam Lý
51	Xây dựng mương thoát nước TDP 7 và TDP 8 Phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.500		2.000	1.500	QĐ số 2235/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	2.000	2.000	750		750		-	1.250	UBND phường Đồng Sơn
52	Các tuyến đường giao thuộc TDP 9 và TDP 11 phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.500	500	QĐ số 4132/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.500	1.500	900		900		-	600	UBND phường Đồng Sơn
53	Vĩa hè đường Tôn Thất Thuyết phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		1.500	1.000	QĐ số 3824/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	1.500	1.500	950		950		-	550	UBND phường Đồng Phú
54	Xây dựng đường giao thông trong khu dân cư TDP 7 phường Hải Thành	phường Hải Thành	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	6.000		3.600	2.400	QĐ số 4986/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	3.600	3.600	1.300		1.300		1.000	1.300	UBND phường Hải Thành
55	Cải tạo Trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.500		1.700	1.800	QĐ số 2132/QĐ-UBND ngày 26/5/23	1.700	1.700	1.050		1.050		-	650	UBND xã Nghĩa Ninh
56	Sửa chữa kênh mương Cửa Nghệ đi Bàu Nân xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2024	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		1.500	1.000	QĐ số 714/QĐ-UBND ngày 07/3/23	1.500	1.500	1.000		1.000		-	500	UBND xã Nghĩa Ninh
57	Khắc phục sạt lở tuyến đê sông Phú Vinh, đoạn qua khu quy hoạch bắc Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 4030/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	3.000	3.000	920		920		-	2.080	UBND phường Bắc Nghĩa
58	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường đoạn Lê Mộ Khai - Quốc lộ 1A xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.200		720	480	QĐ số 2306/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	720	720	510		510		-	210	UBND xã Lộc Ninh
59	Kênh mương kè khu vực cầu kiệt xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		1.800	1.200	QĐ số 4131/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.800	1.800	1.050		1.050		-	750	UBND xã Lộc Ninh
60	Hệ thống thoát nước vùng Ô Ô xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.200	800	QĐ số 4130/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.200	1.200	750		750		-	450	UBND xã Lộc Ninh
61	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thi và thôn Đức Giang, Đức Môn xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 3311/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	3.000	3.000	1.400		1.400		-	1.600	UBND xã Đức Ninh
62	Đầu tư xây dựng Hội trường UBND xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 4726/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	3.000	3.000	985		985		-	2.015	UBND xã Đức Ninh

*2/ha*

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Thời gian khởi công, hoàn thành điều chỉnh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024			Số vốn còn thiếu (NSTP)	Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	
					Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, phường
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
63	Nâng cấp đường Tạ Quang Bửu, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 1)	phường Nam Lý, Bắc Nghĩa	2023-2025		NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	27.000		27.000		QĐ số 4861/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	27.000	27.000	6.746		6.746		10.107	10.147	UBND thành phố
64	Xây dựng vỉa hè đường Quốc lộ 1 (đoạn từ đường F325 đến công chào phía Bắc thành phố Đồng Hới)	xã Lộc Ninh, phường Bắc Lý	2023-2025		NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	20.000		20.000		QĐ số 4964/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	20.000	20.000	5.615		5.615		5.207	9.179	UBND thành phố
65	Xây dựng trụ sở công an xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025		NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	6.000		6.000		QĐ số 4112/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	6.000	6.000	2.994		2.994		-	3.006	Công an TP Đồng Hới
66	ĐH - 23	xã Nghĩa Ninh	2022-2024	2022-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	14.567		14.567		QĐ 102/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	14.567	14.567	14.100		14.100	-	0	467	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố
67	CH 4 - ĐH 02	phường Đông Sơn	2023-2025		NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	25.000		25.000		QĐ số 2833/QĐ-QK ngày 10/10/2024	25.000	25.000	3.875		3.875	-	12.195	8.930	UBND thành phố
68	HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an xã Quang Phú	xã Quang Phú	2024-2025		NQ số 23/NQ-HĐND ngày 13/11/2024	1.650		1.650			-		-		-	-	650	1.000	Công an TP Đồng Hới
69	HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2024-2025		NQ số 23/NQ-HĐND ngày 13/11/2024	1.750		1.750			-		-		-	-	750	1.000	Công an TP Đồng Hới

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

**PHỤ LỤC 04**

**KINH PHÍ DỰ TOÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG**

*(Kèm theo Tờ trình số 55A/TTr-UBND ngày 11 / 12/2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)*

DVT: triệu đồng

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Tổng số vốn hoàn ứng	Số vốn hoàn ứng năm 2025	Chủ đầu tư
1	2	3		4	5
	<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>98.781</b>	<b>51.607</b>	
1	HTKT khu dân cư TDP 9, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	phường Bắc Lý	12,684	12,68	UBND thành phố
2	HTKT khu dân cư thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	xã Bảo Ninh	1.509	1.509	UBND thành phố
3	HTKT tạo quỹ đất khu đất ở TDP 10, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	4.093	4.093	UBND thành phố
4	HTKT KDC TDP9 giai đoạn 2, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	11.000	7.692	UBND thành phố
5	HTKT KDC TDP Diêm Hải, phường Phú Hải	phường Phú Hải	15.000	6.850	UBND thành phố
6	HTKT khu đất ở khu vực Đồng Bình Bồn, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	xã Đức Ninh	26.500	15.000	UBND thành phố
7	HTKT khu đất ở khu vực thôn Đức Phong, xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	14.000	8.188	UBND thành phố
8	HTKT khu đất ở phía tây đường 36m, thôn Sa Động - Trung Bình, xã Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	19.000	596	UBND thành phố
9	HTKT phía Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	xã Lộc Ninh	7.666	7.666	UBND thành phố